



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VI/2016



HÀ NỘI, THÁNG VII/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2016	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2016	14
1. Đối với cây lúa	15
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	18
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2016.....	20
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	20
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO	22

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VI/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 303mm đến 172mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -44 giờ đến 105 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -13% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VI/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

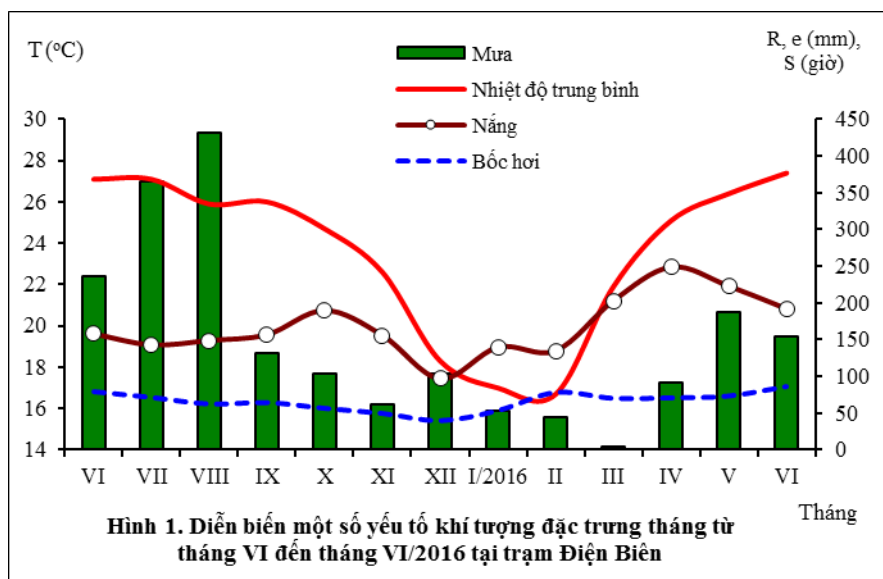
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,4$ đến $2,5^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,8^{\circ}\text{C}$ đến $30,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $18,8^{\circ}\text{C}$ đến $27,0^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $17,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/VI tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $25,2^{\circ}\text{C}$ đến $36,6^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $40,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 15/VI tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI/2015 đến tháng VI/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Điện Biên

trị TBNN (-303mm đến -49mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 24mm đến 508mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 9mm đến 61mm, cao nhất là 115mm vào ngày 21/VI tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 27 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 13 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI/2015 đến tháng VI/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 19 giờ đến 86 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 135 giờ đến 247 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2016 dao động từ 70% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -11% đến -4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 2/VI tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VI/2016 có giá trị phổ biến từ 35mm đến 137mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-98mm đến 473mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 8mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 17 ngày, trong đó nhiều nơi có từ 1 đến 9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 20 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VI/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,1⁰C đến 2,5⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

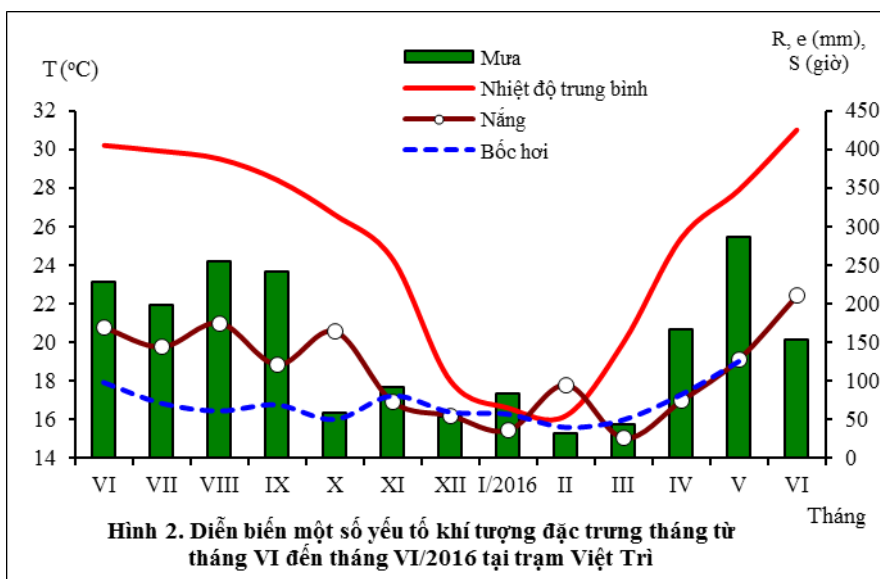
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,9⁰C đến 31,3⁰;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,6⁰C đến 28,0⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,0⁰C xảy ra vào ngày 17/VI tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,0⁰C đến 36,3⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 40,3⁰C xảy ra vào ngày 15/VI tại Việt Trì.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 28mm đến 319mm; Cao nhất là 634mm tại Bắc Quang tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-266mm đến 40mm). Diễn biến của



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Việt Trì

tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2015 đến tháng VI/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 15mm đến 95mm, cao nhất là 148mm xảy ra vào ngày 7/VI tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 7 - 27 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 25 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 117 giờ đến 246 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 97 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2016 phổ biến từ 72 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10% đến -2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30%, xảy ra vào ngày 15/VI tại Phú Hộ.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 47mm đến 133mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-104mm đến 557mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 9mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 16 ngày với 1 đến 6 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 20 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,2 đến 2,1⁰C); có giá trị dao động từ 27,2⁰C đến 30,7⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 32,4⁰C

đến 35,6⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,8⁰C xảy ra vào ngày 15/VI tại Bắc Ninh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,9⁰C đến 27,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,3⁰C xảy ra vào ngày 17/VI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

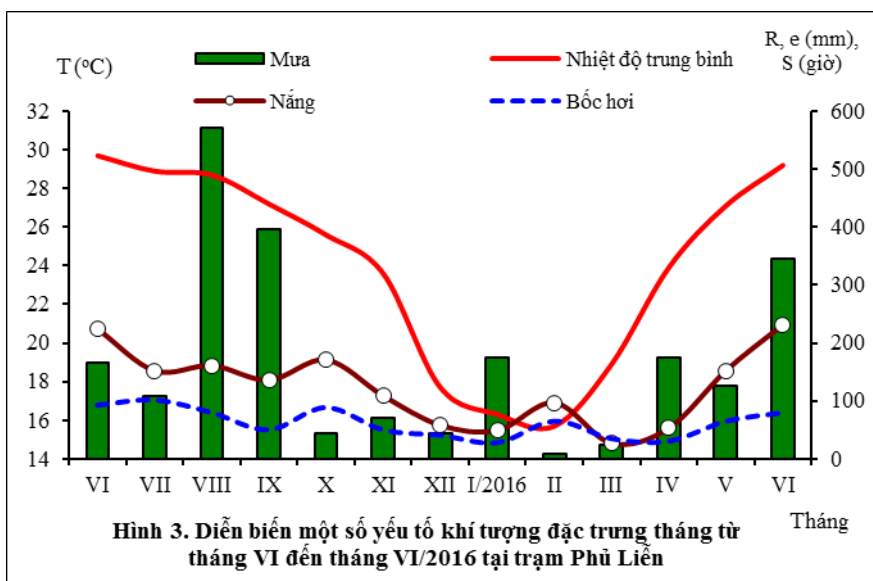
- Lượng mưa tháng VI/2016 dao động phổ biến từ 72mm đến 294mm, cao nhất là 345mm tại Phù Liên, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-178mm đến 104mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 23 đến 101mm, cao nhất là 123mm xảy ra vào ngày 9/VI tại Uông Bí.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (30 giờ đến 90 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 202 giờ đến 243 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2016 ở các nơi dao động phổ biến



từ 77 đến 87%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-4% đến 1%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 15/VI tại Bắc Ninh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 76mm đến 115mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-34mm đến 265mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 13 ngày, trong đó có 1 - 5 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 7 đến 17 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 30,0⁰C đến 31,5⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 1,3⁰C đến 2,7⁰C) (hình 10);

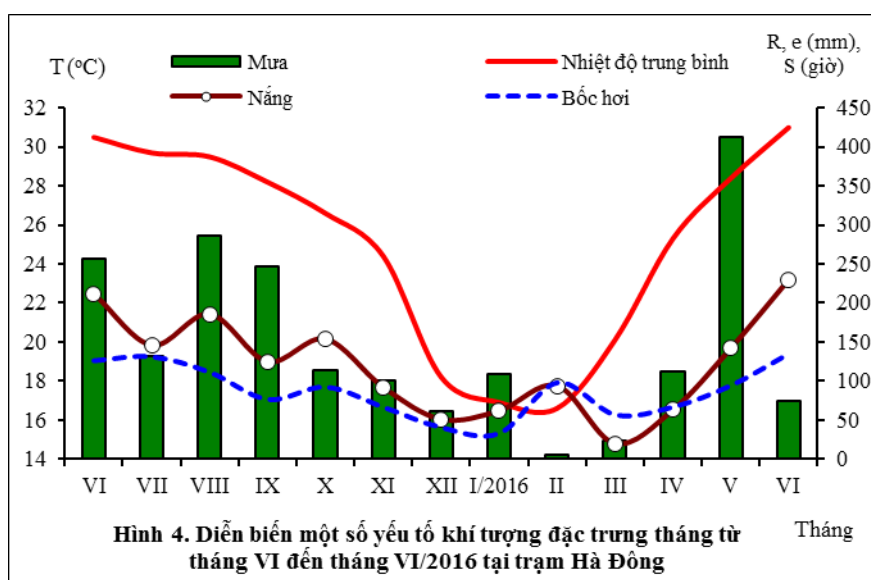
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ

32,4⁰C đến 36,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 40,4⁰C xảy ra vào ngày 15/VI tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 27,1⁰C đến 28,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 24,0⁰C xảy ra vào ngày 16/VI tại Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-176mm đến -60mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Hà Đông

74mm đến 122mm, cao nhất là 146mm tại Thái Bình và Phủ Lý.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19 đến 48mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 132 giờ đến 250 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -44 giờ đến 67 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 70% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-13% đến 2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 15/VI tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 80mm đến 158mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -66mm đến 66mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 6 đến 15 ngày, với từ 2 đến 7 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 8 đến 16 ngày;

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,5⁰C đến 2,4⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 29,1⁰C đến 31,6⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 34,3⁰C đến 37,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,8⁰C xảy ra vào ngày 20/VI tại Cửa Rào.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,2⁰C đến 29,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0⁰C xảy ra vào ngày 6/VI tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

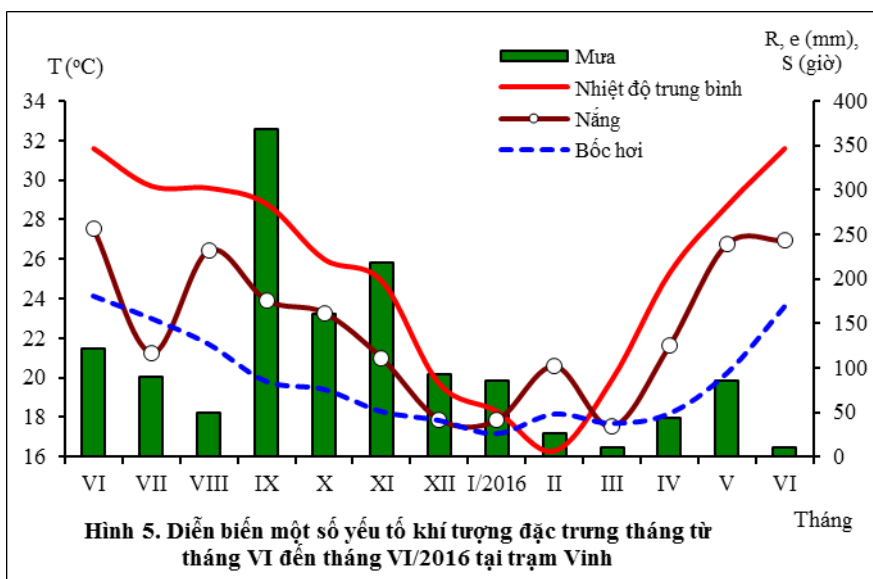
- Trong tháng VI/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 10mm đến 165mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-120mm đến -10mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 64mm, cao nhất là 78mm, xảy ra vào ngày 5/VI tại Quỳnh Châu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày.

Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Vinh

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 219 đến 275 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 26 giờ đến 105 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 69% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-9% đến 2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 19/VI tại Cửa Rào.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 187mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 12mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-160mm đến 66mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 10 đến 23 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 11 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 14 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2016 từ 26,1⁰C đến 31,0⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,5⁰C đến 1,6⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho

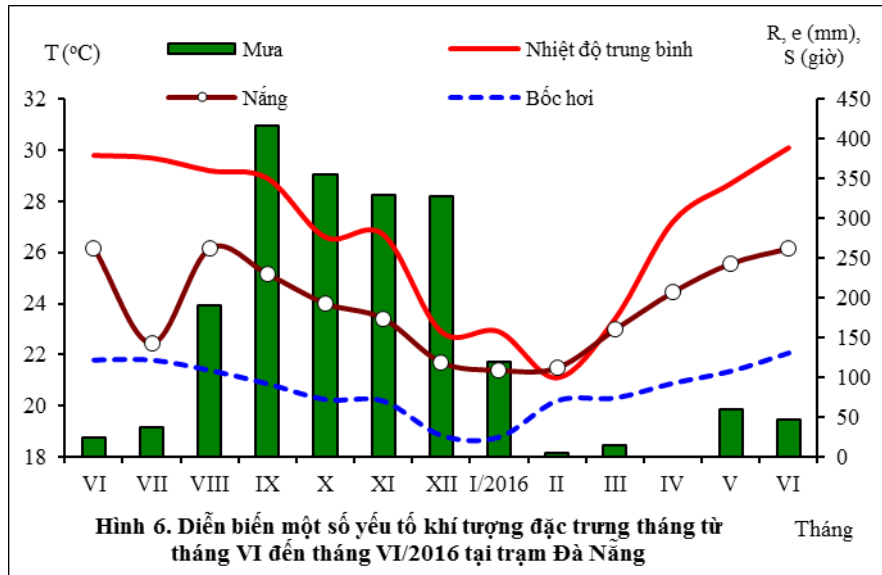
Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7⁰C đến 36,4⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,5⁰C xảy ra vào ngày 18/VI tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,4⁰C đến 28,2⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,2⁰C xảy ra vào ngày 19/VI tại A Luới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VI/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 47mm đến 218mm, cao nhất là 348mm tại Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-102mm đến 77mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 18 đến 63mm, cao nhất là 91mm xảy ra vào ngày 28/VI tại Trà My.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 190 giờ đến 284 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 54 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 70% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 20/VI tại Tuyên Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 52mm đến 131mm, cao nhất là 136mm tại Đông Hà. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-84mm đến 296mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 16 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 22 ngày.

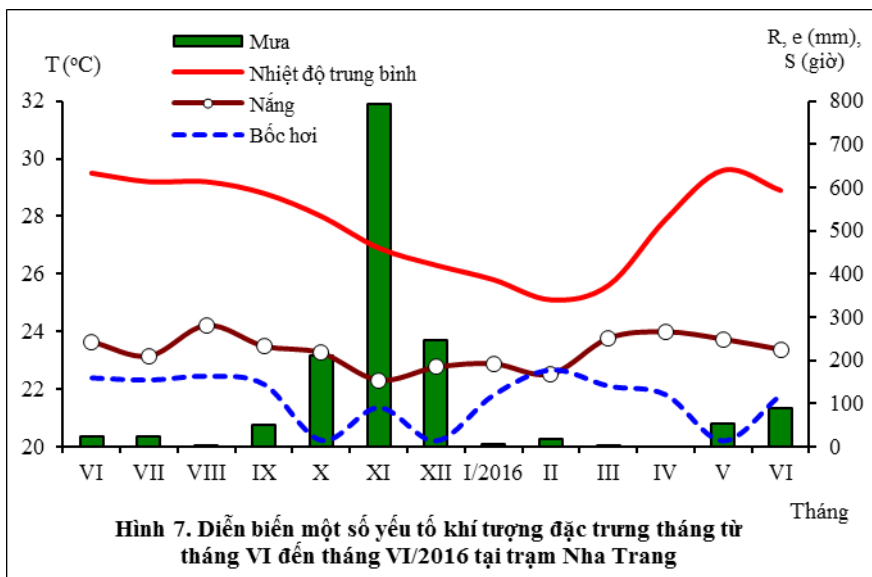
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2016 từ $27,6^{\circ}\text{C}$ đến $29,9^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,3$ đến $0,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $31,7^{\circ}\text{C}$ đến $35,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $39,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/VI tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $25,1^{\circ}\text{C}$ đến $27,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,5^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 14/VI tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 48mm đến 286mm, cao nhất là 421mm tại Hàm Tân. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -13mm đến 54mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17mm đến 83mm, cao nhất là 105mm, xảy ra vào ngày 13/VI tại Hàm Tân.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 12 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 2 đến 11 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 197 giờ đến 264 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5 giờ đến 30 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -2 đến 2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 27% xảy ra vào ngày 8/VI tại Quy Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 79mm đến 145mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-82mm đến 83mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 15 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

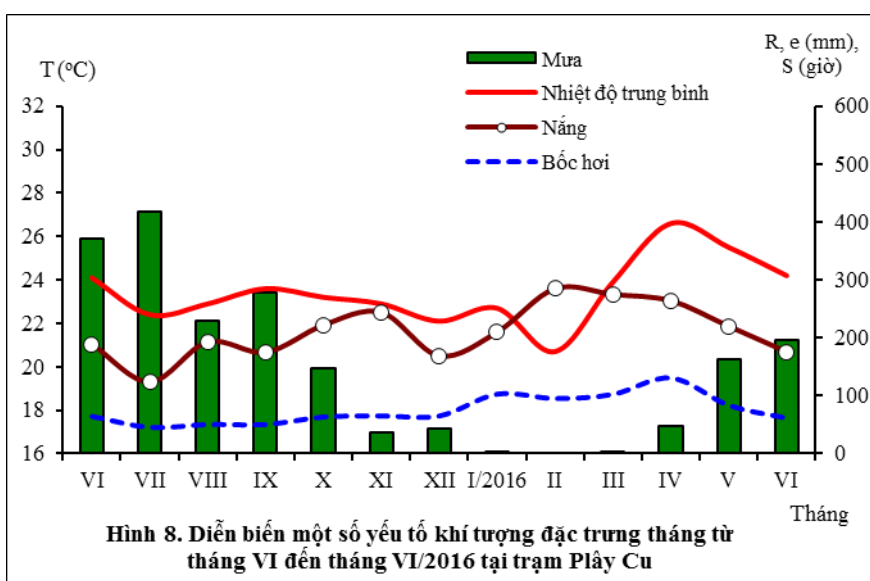
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 14 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2016 từ 19,9⁰C đến 28,9⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5⁰C đến 1,7⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,6⁰C đến 33,8⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,0⁰C xảy ra vào ngày 6/VI tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 19,7⁰C đến 25,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,6⁰C xảy ra vào ngày 07/VI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2016 dao động từ 106mm đến 309mm, cao

nhất là 435mm tại Kon Tum. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -162mm đến 172mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22mm đến 91mm, cao nhất là 124mm vào ngày 6/VI tại Kon Tum. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 11 đến 25 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 19 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2016 phổ biến từ 138 giờ đến 206 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-15 giờ đến 43 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-3% đến 6%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 75% đến 88%; độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 16/VI tại M'drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 33mm đến 99mm, cao nhất là 131mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-372mm đến -134mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

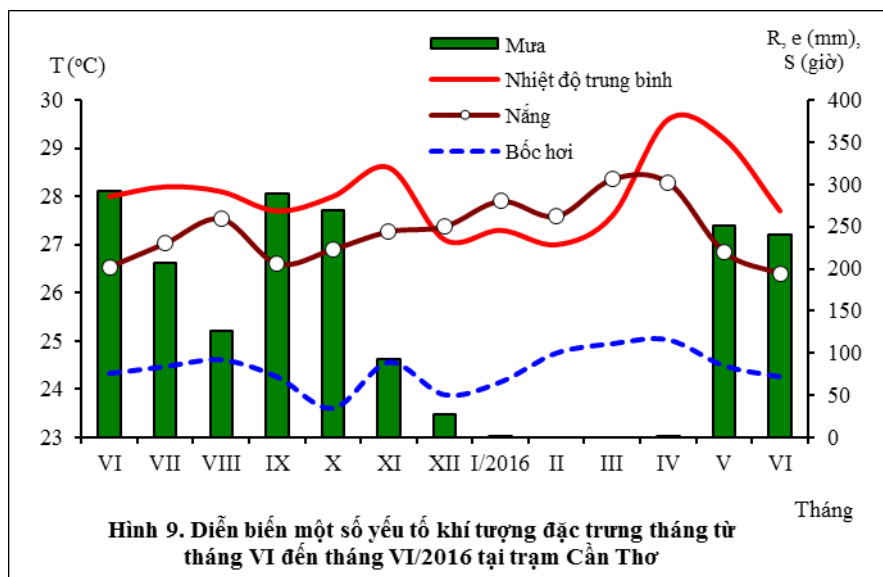
- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất ở Ayunpa với 4 ngày có cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 6 đến 20 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2016 từ 26,9°C đến 28,9°C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,2°C đến 1,3°C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,1°C đến 34,3°C,



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2016 tại trạm Cần Thơ

giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,9⁰C xảy ra vào ngày 10/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,7⁰C đến 26,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,0⁰C xảy ra vào ngày 25/VI tại Cần Thơ. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2016 dao động phổ biến từ 74mm đến 419mm, cao nhất là 464 giờ tại Phú Quốc; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-119 giờ đến 209 giờ).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 22mm đến 66mm, cao nhất là 85mm xảy ra vào ngày 21/VI tại Phú Quốc.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 17 đến 27 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 20 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2016 phổ biến từ 142 giờ đến 209 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-13 giờ đến 46 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 2%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 3/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 27mm đến 940mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-272mm đến -36mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 17 đến 27 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2016

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng VI/2016 ở hầu hết các địa phương của nước ta tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

Nền nhiệt và số giờ nắng ở hầu hết các khu vực đều cao hơn TBNN tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hoạch lúa đông xuân, đồng thời thuận lợi cho lúa mùa và các cây trồng khác sinh trưởng và phát triển. Tuy nhiên, tháng VI là tháng mùa mưa ở hầu hết các địa phương ở Miền Bắc và Miền Nam, lượng mưa trong tháng ở nhiều khu vực, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc thấp hơn TBNN nhưng lượng mưa và số ngày mưa tương đối cao, thuận lợi cho bà con sản xuất vụ mùa đối với các tỉnh Miền Bắc và vụ hè thu đối với các tỉnh Miền Nam. Trong tháng VI ở hầu hết các địa phương số ngày có dông và ngày có lượng mưa lớn xuất hiện ở nhiều nơi gây một số ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Đến cuối tháng các tỉnh Miền Bắc tập trung thu hoạch lúa đông xuân và chăm sóc lúa mùa. Các tỉnh Miền Nam về cơ bản đã thu hoạch xong lúa đông xuân và chuyển trọng tâm sang chăm sóc lúa hè thu.

Hiện nay, cả nước đã cơ bản thu hoạch xong cây trồng vụ đông xuân và đang tiến hành xuống giống các loại cây trồng vụ hè thu.

1. Đối với cây lúa

1.1. Miền Bắc

Tháng VI là tháng mùa mưa tuy nhiên, hầu hết các khu vực đều có lượng mưa thấp hơn TBNN, tuy nhiên số ngày mưa tăng đảm bảo được lượng ẩm cần thiết cho cây trồng sinh trưởng và phát. Nhiều nơi bị ảnh hưởng của gió tây khô nóng với cường độ không mạnh, số ngày xuất hiện dông cao kèm theo mưa lớn gây một số khó khăn cho sản xuất nông nghiệp của một số địa phương.

Tính đến cuối tháng, các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 1.156 ngàn ha, đạt 99,4% so với cùng kỳ năm trước, giảm chủ yếu tại vùng đồng bằng sông Hồng (giảm 7,6 nghìn ha, tương ứng giảm 1,4%) do thực hiện việc thực hiện dồn điền đổi thửa, chuyển sang làm đường nội đồng, kênh dẫn nước, chuyển mục đích sử dụng đất. Hiện nay, toàn miền thu hoạch được 1099,1 ngàn ha lúa đông xuân, chiếm 95,1% diện tích gieo cấy, bằng 102% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, vụ lúa đông xuân năm nay tại các tỉnh miền Bắc do yếu tố thời tiết đầu vụ không thuận lợi, rét đậm, rét hại đã làm một số diện tích lúa phải cấy dặm lại nhưng trong vụ cơ bản đủ nước tưới dưỡng nên cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt, đặc biệt là vào thời kỳ lúa trổ bông có mưa nên cây lúa bông chắc, độ đồng đều cao và đều ở các trà lúa, ngoài ra sâu bệnh gây hại trên cây lúa giảm đáng kể so đông xuân 2015. Theo đánh giá của các địa phương, năng suất lúa đông xuân các tỉnh miền Bắc ước đạt 62,6 tạ/ha, tăng khoảng 0,5 tạ/ha (+0,8%), sản lượng ước đạt 7,22 triệu tấn, tăng nhẹ so đông xuân 2015. Lúa đông xuân được thu hoạch trong điều kiện thời tiết nhiều nắng,

thuận lợi cả ở ngoài đồng và cả cho phơi sấy

Thời tiết tương đối thuận lợi do đó đến cuối tháng lúa mùa trong giai đoạn mọc mầm đến lá thứ 5 ở các tỉnh Miền Bắc có trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt (bảng 1).

Khu vực Trung Bộ là nơi có gió tây khô nóng hoạt động mạnh nhất trên cả nước, với số ngày có gió tây khô nóng hoạt động từ 1 - 23 ngày, một số khu vực có 1 - 11 ngày có cường độ mạnh làm lượng bốc hơi tăng cao, nhiều khu vực đã bắt đầu bị hạn cục bộ. Tuy nhiên trong tháng, các cơn dông kèm theo mưa lớn xuất hiện trong vùng với số ngày có dông từ 2 đến 22 ngày đã mang lại những thuận lợi nhất định cho sản xuất nông nghiệp.

Do lúa đông xuân được thu hoạch nhanh gọn, thời tiết thuận lợi do nhiều nắng xen mưa dông, tổng diện tích gieo cấy lúa hè thu của các tỉnh thuộc địa bàn miền Trung tính đến cuối tháng nhanh hơn cùng kỳ năm trước.

1.2. Miền Nam

Trong tháng VI/2016 các địa phương phía Nam về cơ bản đã kết thúc thu hoạch xong lúa đông xuân chuyển trọng tâm sang lúa hè thu đồng thời làm đất gieo trồng các cây rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Nền nhiệt độ và số giờ nắng tháng VI/2016 ở hầu hết các địa phương Miền Nam tương đối khá, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN. Dông kèm theo mưa xuất hiện nhiều tạo điều kiện cho lúa hè thu sinh trưởng và phát triển.

Theo báo cáo sơ bộ hiện nay các tỉnh phía nam đã thu hoạch xong vụ lúa đông xuân, tổng diện tích xuống giống đạt khoảng 1.926 triệu ha, giảm 1,2% (-23,9 ngàn ha) so với vụ trước; Năng suất bình quân ước đạt 64,9 tạ/ha, sản lượng đạt hơn 12,19 triệu tấn, giảm 1,29 triệu tấn so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL sản lượng đạt hơn 10 triệu tấn, giảm 1045,7 nghìn tấn so với cùng kỳ (-9,4%); Tây Nguyên đạt 418 nghìn tấn, giảm 64 nghìn tấn (-13,3%); Duyên hải miền trung đạt gần 1,3 triệu tấn, giảm 175,6 nghìn tấn (-12,2%).

+ Lúa vụ hè thu: Tính đến cuối tháng, cả nước gieo trồng đạt gần 1,78 triệu ha lúa hè thu, bằng 96,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh miền Bắc đạt 130,3 ngàn ha, bằng 93,6%, các tỉnh miền Nam đạt hơn 1,6 triệu ha, đạt 96,5%, riêng các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL đạt 1,45 triệu ha, bằng 98,1% cùng kỳ năm trước. Tốc độ xuống giống nhìn chung chậm do thời tiết đầu vụ nắng nóng, thiếu nước và xâm nhập mặn. Hiện nay các khu vực ĐBSCL, Tây Nguyên và Đông Nam bộ cơ bản đã chấm dứt tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn do đã có mưa. Khu vực Nam Trung bộ do tiếp tục bị ảnh hưởng gay gắt của hạn hán nên dự kiến, tổng diện tích lúa phải dừng sản xuất do thiếu

nước khoảng 25.100 ha (Ninh Thuận 10.000 ha, Khánh Hòa 11.000 ha, Bình Định 4.100 ha), nhiều diện tích cây trồng có khả năng bị thiếu nước vào thời gian giữa và cuối vụ. Do xuống giống sớm hơn cùng kỳ nên đã có trên 438 ngàn ha lúa hè thu sớm ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu long cho thu hoạch, năng suất trên diện tích cho thu hoạch đạt khá, tăng nhẹ so cùng. Những diện tích lúa hè thu còn lại phát triển tương đối tốt.

+ Lúa mùa: Ngay sau khi gặt lúa đông xuân, nhiều địa phương ở miền Bắc đã triển khai gieo trồng lúa mùa, lúa nương trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Tính đến cuối tháng đã có hơn 41 ngàn ha được gieo trồng, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Trung Bộ. Diện tích xuống giống lúa mùa ở các tỉnh miền Nam đến cùng thời điểm cũng đạt 107 ngàn ha, chủ yếu tập trung tại các tỉnh thuộc địa bàn Tây Nguyên

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VI/2016

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Chuyển vụ			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa lá thứ 5	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Ngô	Khá	TB	
7			Lúa xuân	TB	3cm	
8	Bắc Giang	Lúa mùa lá thứ 3, lá thứ 5	Tốt	Quá ẩm		
9	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
10		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi, lá thật thứ nhất	TB	TB	
11	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa mọc mầm	TB	3cm	
12		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
13			Lạc củ già	Khá	Quá ẩm	
14			Lúa xuân thu hoạch			
15		Hải Dương	Lúa xuân thu hoạch			
16		Hưng Yên	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ẩm	
17		Nam Định	Lúa chiêm thu hoạch			
18		Ninh Bình	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB	Quá ẩm	
19			Lúa mùa mọc mầm	TB	Quá ẩm	
20		Thái Bình	Lúa xuân thu hoạch			
21	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ	Kém	TB	
22		Thanh Hoá	Lúa mùa lá thứ 5	TB	3cm	
23		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	4cm	
24		Đô Lương	Lúa hè thu cấy	TB	3cm	
25	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu mọc đống	Khá	3cm	
26	Nam	Tuy Hoà	Lúa hè thu lá thứ 3	Khá	3cm	

27	Trung Bộ	An Nhơn	Lúa hè thu mọc dống	Khá	4cm	Sâu cuốn lá nhẹ
28	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	ẩm	
29	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ẩm	
30		Trà Nóc	Lúa hè thu chắc xanh	TB	TB	
31		Mỹ Tho	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
32		Bạc Liêu	Lúa hè thu mọc mầm, lá thứ 5	TB, Khá	3cm	Sâu cuốn lá t□ong đối năng

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Trong tháng các địa phương trong cả nước đã bắt đầu triển khai trồng các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu, mùa. Tính từ đầu năm đến ngày cuối tháng VI, tổng diện tích gieo trồng các cây hoa màu trên cả nước gieo trồng đạt hơn 1,21 triệu ha cây màu lương thực, bằng 97,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích ngô đạt hơn 731 ngàn ha, khoai lang đạt gần 90 ngàn ha, sắn đạt hơn 385 ngàn ha. Diện tích gieo trồng các cây công nghiệp ngắn ngày đạt hơn 380 ngàn ha, bằng 80,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích lạc đạt 150 ngàn ha; đậu tương đạt gần 47 ngàn ha, thuốc lá đạt 17 ngàn ha, mía đạt gần 137 ngàn ha, rau, đậu các loại đạt hơn 651 ngàn ha.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì chè đang trong giai đoạn chè lớn và lá thật 1, trạng thái sinh trưởng trung bình đến khá.

Ở Đồng bằng Bắc Bộ lạc đang trong giai đoạn củ già trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng tốt.

3. Tình hình chăn nuôi:

- Chăn nuôi trâu bò: 6 tháng đầu năm rét đậm, rét hại đã gây ảnh hưởng lớn đến chăn nuôi trâu, bò tại các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc miền Trung đã khiến trên 12 nghìn con trâu, bò chết rét thêm vào đó do điều kiện chăn thả bị thu hẹp nên số lượng trâu 6 tháng đầu năm 2016 giảm hơn so với cùng kỳ năm trước. Chăn nuôi bò phát triển hơn và tập trung chủ yếu ở vùng núi.

- Chăn nuôi lợn: Chăn nuôi lợn phát triển khá tốt. Tổng số lợn cả nước có đến tháng 6 năm 2016 đạt khoảng 28,3 triệu con, tăng khoảng 3,9% so với cùng kỳ năm 2015.

- Chăn nuôi gia cầm phát triển ổn định, tuy nhiên thời tiết khô hạn và tình trạng xâm nhập mặn tại một số địa phương phía Nam thời gian vừa qua làm hạn

chế tốc độ tái đàn nhất là những địa phương chăn nuôi nhiều loại thủy cầm như vịt, ngan, ngỗng. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tháng 6 năm 2016 đạt 341,5 triệu con, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2015.

4. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, tháng VI diện tích lúa bị nhiễm sâu bệnh có dấu hiệu tăng ở một số loại bệnh, điển hình là dịch rầy nâu hại lúa xảy ra tại các tỉnh phía Bắc và ĐBSCL với diện tích nhiễm 114.254 ha, tăng 158.559 ha, dịch khô vằn hại lúa diện tích nhiễm 157.569 ha, tăng 71.375 ha so với cùng kỳ năm trước. Một số dịch còn lại như bạc lá hại lúa, đốm nâu hại lúa, chuột... đều có phát sinh tăng, tuy nhiên mức tăng đều dưới 5000 ha so với cùng kỳ.

Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 114.254 ha, trong đó: Diện tích nhiễm nặng 24.673 ha, mất trắng 13,12 ha.
- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 19.645 ha, diện tích nhiễm nặng 243 ha.
- Đạo ôn lá: Hại chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 17.267 ha, diện tích nhiễm nặng 479 ha
- Đạo ôn cổ bông: Hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 3.150 ha, diện tích nhiễm nặng 11 ha, mất trắng 1 ha (Ninh Bình).
- Chuột: Tổng diện tích hại 10.332 ha, diện tích nhiễm nặng 378 ha. Chuột hại tại các tỉnh Phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long.
- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 7.019 ha, diện tích nhiễm nặng 428 ha, mất trắng 0,05 ha tại Nghệ An. Bệnh tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và đồng bằng sông Cửu Long.
- Khô vằn: Bệnh xuất hiện ở các tỉnh Phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 157.569 ha, diện tích nhiễm nặng 7.518 ha.
- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 13.809 ha, diện tích nhiễm nặng 25 ha tập trung tại đồng bằng sông Cửu Long.
- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 1.435 ha, Sâu non gây hại chủ yếu tại đồng bằng sông Cửu Long.
- Nhện gié hại rải rác ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 1.066 ha.

- Ốc bươu vàng: Hại lúa với diện tích 18.369 ha, diện tích nhiễm nặng 498 ha tập trung chủ yếu ở Huế và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Các đối tượng dịch hại bộ xít dài, bộ xít đen.....hại nhẹ

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2016

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VII, VIII, IX năm 2016 cho thấy, trong mùa 3 tháng VII-IX/2016, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ 0,5 đến 1,5oC ở hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến 77%. Ngược lại, lượng mưa thấp hơn TBNN ở khu vực Tây Nguyên. Chuẩn sai lượng mưa mùa VII-IX/2016 được dự báo phổ biến dao động từ 0 đến 400mm trên đa phần diện tích cả nước, từ -400 đến 0 ở khu vực Tây Nguyên.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VII-IX trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 5-6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VII-IX

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VII, VIII và IX/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc:

- Các tỉnh miền núi trung du và đồng bằng Bắc Bộ chuẩn bị cấy lúa mùa hoặc lúa hè thu chính vụ, hè thu muộn, vùng Đông Bắc thu hoạch lúa đông xuân
- Bắc Trung Bộ chăm sóc làm cỏ bón thúc cho lúa hè thu sớm và chính vụ
- Phòng tránh mưa bão và áp thấp nhiệt đới có thể xảy ra ở Miền Bắc
- Phun thuốc, phòng trừ sâu bệnh hại lúa mới cấy và rau màu vụ hè thu

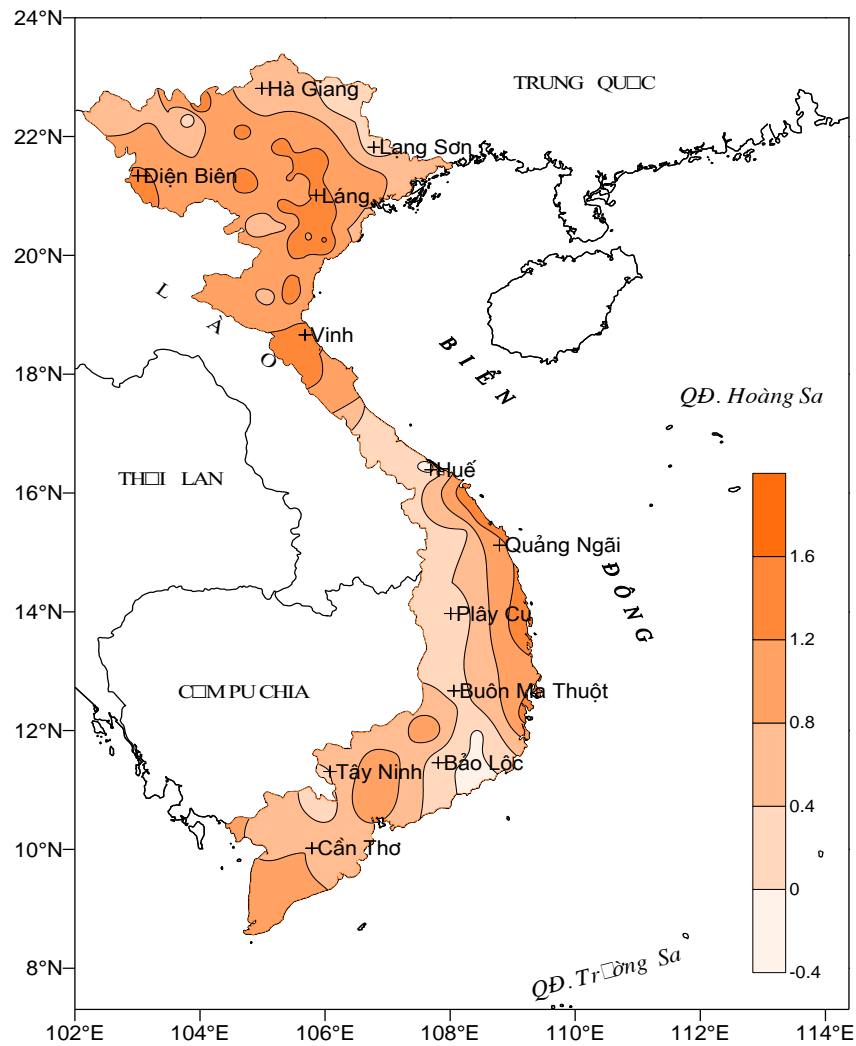
2. Miền Nam:

- Chăm sóc lúa hè thu

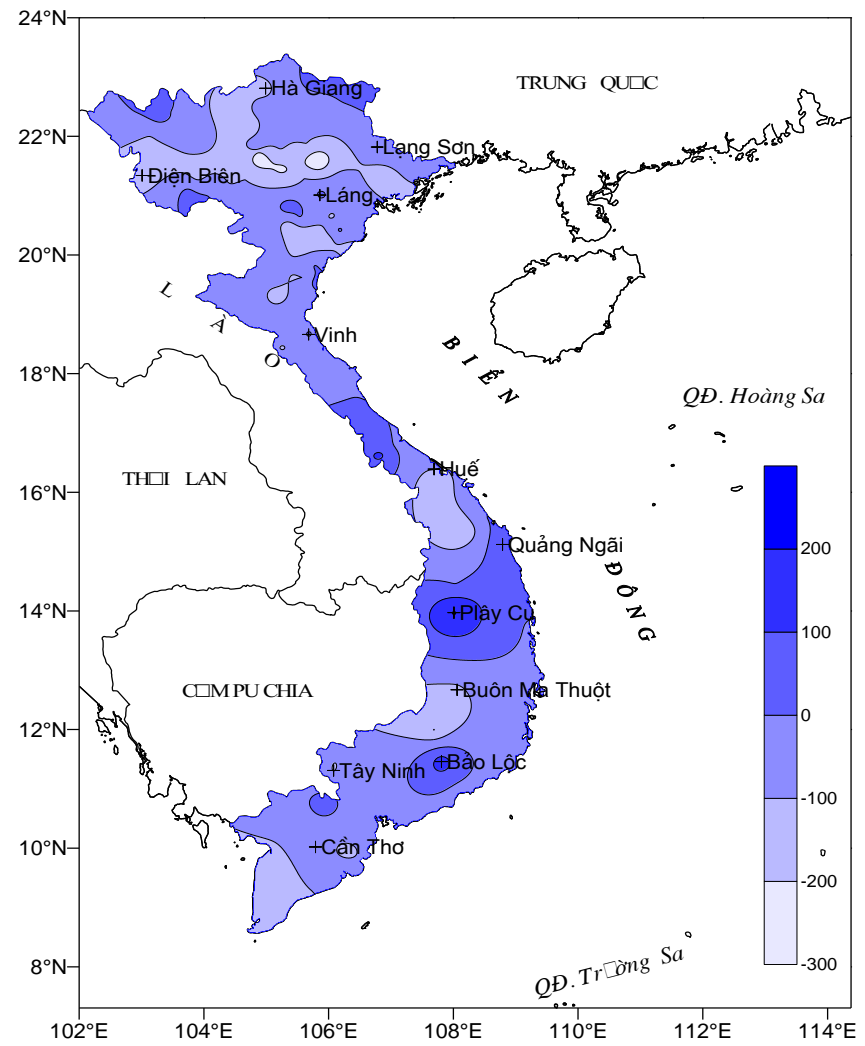
- Chăm sóc rau màu, cây công nghiệp ngắn và dài ngày
- Đề phòng hạn, xâm nhập mặn
- Tập trung phòng trừ sâu bệnh cho lúa hè thu

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

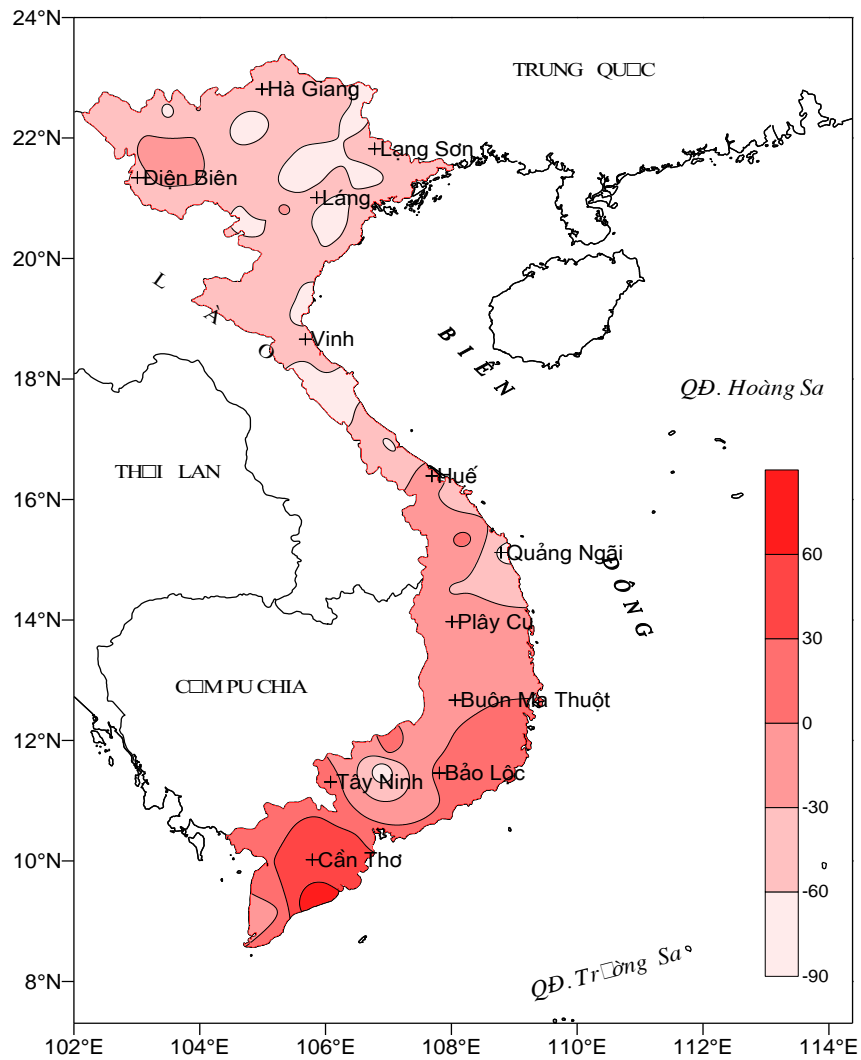
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VII, VIII, IX năm 2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VII năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VI năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



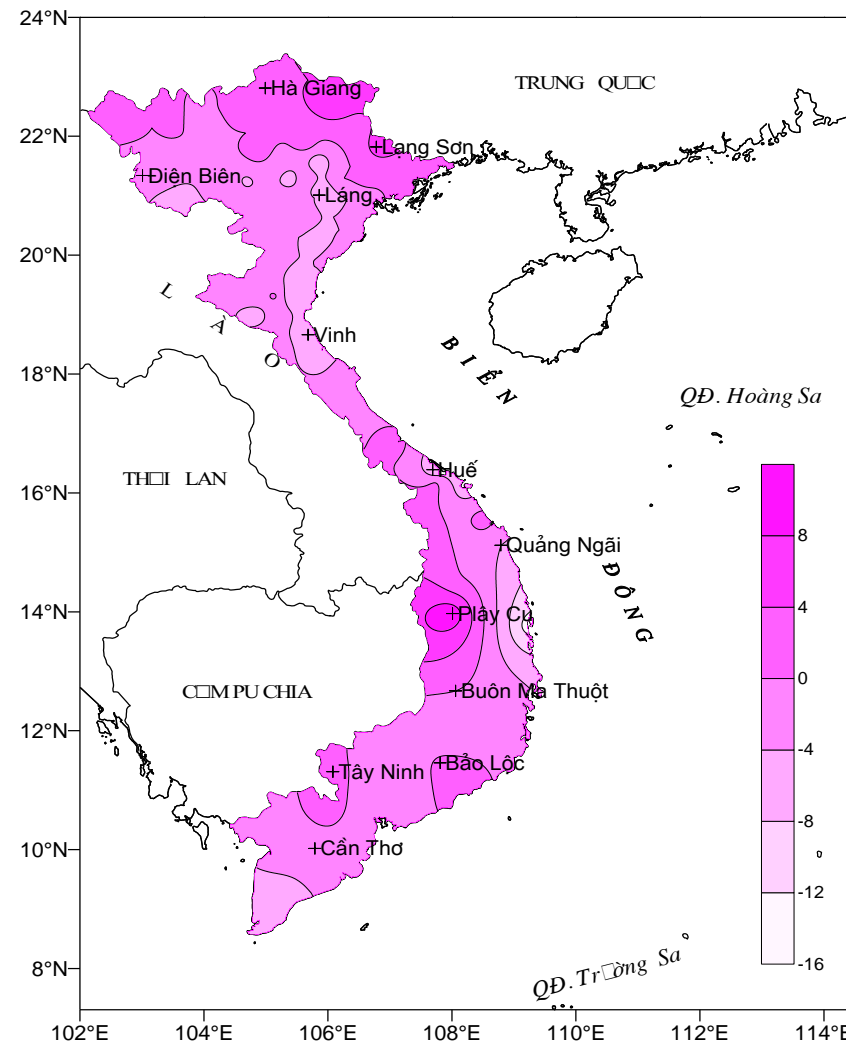
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VI/2016 so với TBNN (°C)



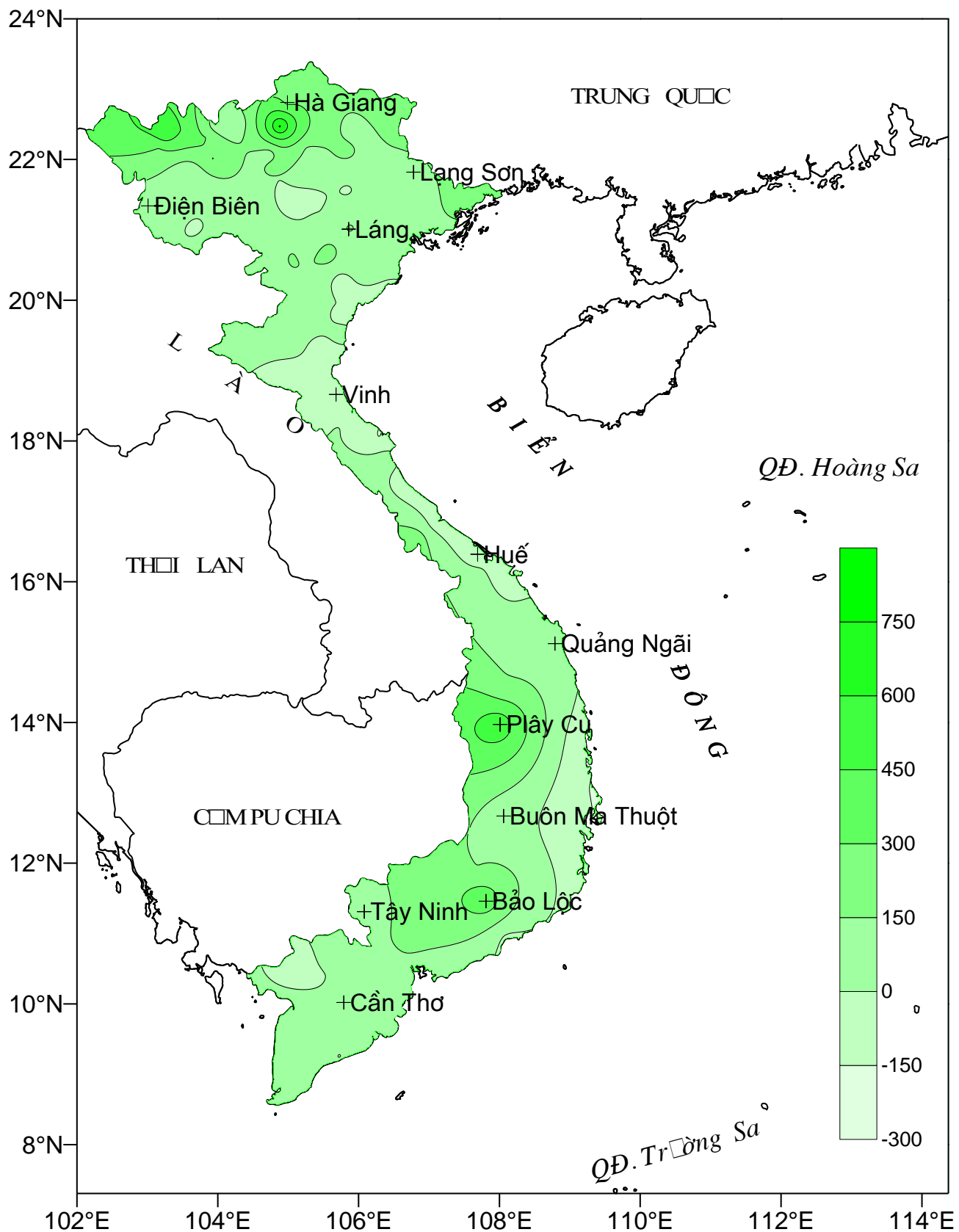
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VI/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VI/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VI/2016 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VI/2016 (mm)